

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 952/2025/DS-PT

Ngày: 21/8/2025

V/v tranh chấp tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Đa.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp.

Ông Nguyễn Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quốc Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố H) bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3858/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ninh Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: số 231, đường Huỳnh Văn L, tổ 53, khu phố 6, phường L, thành phố M, tỉnh D (nay là số 231, đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 53, khu phố 6, phường L, Thành phố H).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố A, phường Hoài H, thị xã Nhơn H, tỉnh B (nay là khu phố Nhuận A, phường Hoài Đ, tỉnh L); địa chỉ liên hệ: số 530, đường T, phường L, Thành phố H); Văn bản ủy quyền ngày 28/10/2023, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phan Gia H, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ 2, khu phố 1, thị trấn L, huyện B, tỉnh T (nay là tổ 2, khu phố 1, xã T, tỉnh Đ); địa chỉ liên hệ: hẻm K,

đường C, khu phố 3, phường N, thành phố M, tỉnh D (nay là hẻm K, đường C, khu phố 3, phường M, Thành phố H).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Ngọc Tuấn A, sinh năm 1991; địa chỉ: số 25/21, đường Nguyễn Văn L, phường L, thành phố M, tỉnh D (nay là số 25/21, đường Nguyễn Văn L, phường L, Thành phố H); Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2023, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ninh Hoàng Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: số 220/34, đường Huỳnh Văn L, tổ 64, khu phố 7, phường L, thành phố M, tỉnh D (nay là số 220/34, đường Huỳnh Văn L, tổ 64, khu phố 7, phường L, Thành phố H), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Hoa H1, sinh năm 1978; địa chỉ: hẻm K, đường C, khu phố 3, phường N, thành phố M, tỉnh D (nay là hẻm K, đường C, khu phố 3, phường M, Thành phố H), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Ninh Thị L.

- Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân kv N – Thành phố H) theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 30/QĐKNPT-VKSTDM ngày 12/6/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ninh Thị L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức V thống nhất trình bày:

Năm 2018, bà Ninh Thị L và ông Phan Gia H có hùn vốn để nhận chuyển nhượng phần đất có diện tích 1.674m² thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại phường Hiệp Thành, thành phố M, tỉnh D (nay là phường L, Thành phố H). Giá chuyển nhượng 4.400.000.000 đồng, mỗi người góp số tiền 2.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm giao tiền để nhận chuyển nhượng đất thì ông H chỉ đưa bà L số tiền 1.500.000.000 đồng, ký giấy vay bà L số tiền 1.500.000.000 đồng và hứa khi nào chuyển nhượng lại đất sẽ trả tiền vay cho bà L.

Bà L nhờ cháu là ông Ninh Hoàng Đ đứng tên giùm. Ngày 26/9/2018, ông Ninh Hoàng Đ và ông Phan Gia H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS11065 đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 với diện tích 1.674m².

Năm 2022, bà L và ông H thỏa thuận chuyển mục đích sang đất ở 300m², tiền chuyển mục đích mỗi người 50%. Tuy nhiên, sau khi làm thủ tục chuyển mục đích thì ông H không nộp tiền chuyển mục đích, bà L đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền số tiền 89.380.000 đồng tương ứng số tiền chuyển mục đích 150m².

Nay, bà L gặp khó khăn nên nhiều lần thương lượng với ông H để chuyển nhượng lại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 nhưng ông H không đồng ý. Do đó, bà L yêu cầu: diện tích 1.674m^2 có giá 4.400.000.000 đồng; ông H góp số tiền 1.500.000.000 đồng nên chia cho ông H diện tích tương ứng số tiền đã giao là 571m^2 , bà H được hưởng diện tích đất 1.103m^2 (trong đó có 150m^2 đất ở) tương ứng số tiền đã góp 2.900.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Phan Gia H và người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Vũ Ngọc Tuấn A thống nhất trình bày:

Năm 2018, bà L có trao đổi với ông H về việc bà L có nhu cầu chuyển nhượng phần diện tích đất là $2.089,8\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại phường T, thành phố M, tỉnh D (nay là phường L, Thành phố H) với giá 4.400.000.000 đồng. Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng là 1.674m^2 nhưng bà L hứa là sẽ làm thủ tục nhận chuyển nhượng thêm phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $415,8\text{m}^2$.

Do bà L không thực hiện được làm thủ tục nhận chuyển nhượng thêm diện tích $415,8\text{m}^2$ nên mới có trường hợp thỏa thuận ông H đưa số tiền 1.500.000.000 đồng và viết giấy mượn thêm số tiền 700.000.000 đồng; hứa khi nào chuyển nhượng lại đất sẽ trả số tiền 700.000.000 đồng.

Ông H xác định phần ông H có 50% trong diện tích 1.674m^2 thuộc thửa số 135, tờ bản đồ số 07 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS11065 đã cấp ngày 26/9/2018 cho là ông Ninh Hoàng Đ và ông H.

Ông H đồng ý với kết quả định giá đất của Tòa án cấp sơ thẩm (đất ở có đơn giá $14.000.000$ đồng/ m^2 và đất trồng cây lâu năm có đơn giá $12.000.000$ đồng/ m^2). Ông H có đơn phản tố yêu cầu được nhận tiền và giao lại đất cho bà L.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ninh Hoàng Đ trình bày:

Thống nhất ý kiến và yêu cầu của bà L, ông Đ đứng tên giùm quyền sử dụng đất cho bà L, không có quyền lợi gì đối với thửa đất trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoa H1 trình bày:

Bà H1 không liên quan gì trong vụ án tranh chấp giữa nguyên đơn bà L với bị đơn ông H, đề nghị Tòa án không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng; mọi vấn đề liên quan đến vụ án do ông H quyết định và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Tòa án nhân dân kv N – Thành phố H) đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ninh Thị L đối với ông Phan Gia H về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất theo tỷ lệ.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Gia H đối với bà Ninh Thị L và ông Ninh Hoàng Đ về việc chia tài sản chung.

2.1. Buộc ông Ninh Hoàng Đ và bà Ninh Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Phan Gia H $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN123796, số vào sổ CS11065 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh D cấp ngày 26/9/2018 với tổng diện tích $1.674m^2$ (đo đạc thực tế $1.667,5m^2$), tương ứng số tiền 10.305.000.000 đồng; trừ số tiền nợ chuyển mục đích sử dụng đất $150m^2$ thổ cư 89.380.000 đồng; buộc bà L và ông Đ phải liên đới thanh toán cho ông Phan Gia H số tiền 10.215.620.000 đồng (mười tỷ hai trăm mười lăm triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Sau khi thanh toán xong số tiền trên, bà Ninh Thị L và ông Ninh Hoàng Đ được quyền quản lý, sử dụng phần đất và liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (kèm sơ đồ bản vẽ).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2025, nguyên đơn bà Ninh Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12/6/2025, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố H) có Quyết định kháng nghị số 30/QĐKNPT-VKSTDM, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3858/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2025; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Ninh Thị L là ông Nguyễn Đức V và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Gia H là ông Vũ Ngọc Tuấn A đến Tòa án đề nghị Tòa án lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận giữa hai bên.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/8/2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Ninh Thị L là ông Nguyễn Đức V với người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Gia H là ông Vũ Ngọc Tuấn A đã thỏa thuận như sau:

- Thừa đất số 135, tờ bản đồ số 07 có diện tích $1.674m^2$ (đo đạc thực tế $1.667,5m^2$ và có $300m^2$ đất ở), giá chung (không tính riêng giá đất ở, giá đất nông nghiệp) là 8.000.000 đồng/ m^2 ; phần ông H hưởng 50%, phần bà L hưởng 50%; tổng giá trị thừa đất là 13.392.000.000 đồng (mười ba tỷ ba trăm chín mươi hai triệu đồng).

- Bà Ninh Thị L nhận và được quyền sử dụng toàn bộ thừa đất số 135, tờ

bản đồ số 07 tọa lạc tại phường T, thành phố M, tỉnh D (nay là phường L, Thành phố H) với diện tích 1.674m² (đo đạc thực tế 1.667,5m² gồm ODT và CLN) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN123796, số vào sổ CS11065 ngày 26/9/2018 (đứng tên ông Phan Gia H và ông Ninh Hoàng Đ); bà L phải thanh toán 50% giá trị thửa đất cho ông Phan Gia H với số tiền là 6.696.000.000 đồng (sáu tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng).

- Thời hạn bà Ninh Thị L giao đủ tiền cho ông Phan Gia H là ngày 21/8/2025. Ngay sau khi ông H nhận đủ tiền thì phải giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN123796, số vào sổ CS11065 cấp ngày 26/9/2018 (ông H và ông Đ đứng tên) cho bà L.

- Bà L có trách nhiệm đăng ký và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 sang tên bà L.

- Sau thời hạn thỏa thuận ngày 21/8/2025, nếu bà L chậm thanh toán thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc và định giá với tổng số tiền: 19.340.986 đồng (tại Tòa án cấp sơ thẩm với số tiền: 3.140.986 đồng và tại Tòa án cấp phúc thẩm với số tiền 16.200.000 đồng), bà Ninh Thị L phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

- Về án phí sơ thẩm: Các bên chịu án phí trên tài sản mình được chia.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Ninh Thị L là ông Nguyễn Đức V và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Gia H là ông Vũ Ngọc Tuấn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của hai bên tại Biên bản làm việc ngày 14/8/2025.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Viện Kiểm sát rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 30/QĐKNPT-VKSTDM ngày 12/6/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân kv N – Thành phố H). Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Ninh Thị L; người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Phan Gia H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ninh Hoàng Đ và bà Trần Thị Hoa H1 đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bản án sơ thẩm xác định quyền lợi của cá nhân bà L và ông H, bà L kháng cáo liên quan đến tài sản chung của bà L và ông H được xác định theo bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bà L với ông H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tại Biên bản làm việc ngày 14/8/2025 và yêu cầu Tòa án công nhận.

Bản án sơ thẩm xác định nghĩa vụ của ông Đ đối với giá trị thanh toán để bà L được sử dụng thửa đất số 135, ông Đ không kháng cáo; bản án sơ thẩm không xác định nghĩa vụ, quyền lợi của bà H1 đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 bà H1 không kháng cáo.

Xét quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đ (cháu bà L) xác định thửa đất 135, tờ bản đồ số 07 ông Đ chỉ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giùm cho bà L, không có quyền lợi gì đối với thửa đất. Bà H1 (vợ ông H) xác định không có quyền lợi gì đối với thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07.

Do đó, bà L và ông H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ, bà H1.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H rút Quyết định Kháng nghị số 30/QĐKNPT-VKSTDM ngày 12/6/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M (nay là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân kv N – Thành phố H) đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc và định giá với tổng số tiền: 19.340.986 đồng (tại Tòa án cấp sơ thẩm với số tiền: 3.140.986 đồng và tại Tòa án cấp phúc thẩm với số tiền 16.200.000 đồng) bà Ninh Thị L tự nguyện chịu được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 được các bên thỏa thuận cho ông H và bà K nên ông H và bà K phải chịu án phí theo quy định.

Bà Ninh Thị L là người cao tuổi (hơn 60 tuổi) và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Ông Phan Gia H phải nộp án phí có giá ngạch trên số tài sản được chia.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ninh Thị L là người kháng cáo nhưng được miễn nộp án phí phúc thẩm như phân tích tại mục [5].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 296, Điều 300, khoản 1 Điều 312 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 30/QĐKNPT-VKSTDM ngày 12/6/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân kv N – Thành phố H).

II. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Ninh Thị L.

III. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 152/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh D (nay là Tòa án nhân dân kv N – Thành phố H).

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 có diện tích 1.674m^2 (đo đạc thực tế $1.667,5\text{m}^2$ và có 300m^2 đất ở), giá chung (không tính riêng giá đất ở, giá đất nông nghiệp) là 8.000.000 đồng/ m^2 ; phần ông H hưởng 50%, phần bà L hưởng 50%; tổng giá trị thửa đất là 13.392.000.000 đồng (mười ba tỷ ba trăm chín mươi hai triệu đồng).

- Bà Ninh Thị L nhận và được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại phường T, thành phố M, tỉnh D (nay là phường L, Thành phố H) với diện tích 1.674m^2 (đo đạc thực tế $1.667,5\text{m}^2$ gồm ODT và CLN) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN123796, số vào sổ CS11065 ngày 26/9/2018 (đứng tên ông Phan Gia H và ông Ninh Hoàng Đ); bà L phải thanh toán 50% giá trị thửa đất cho ông Phan Gia H với số tiền là 6.696.000.000 đồng (sáu tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng), (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Thời hạn bà Ninh Thị L giao đủ tiền cho ông Phan Gia H là ngày 21/8/2025. Ngay sau khi ông H nhận đủ tiền thì phải giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN123796, số vào sổ CS11065 cấp ngày 26/9/2018 (ông H và ông Đ đứng tên) cho bà L.

Bà L có trách nhiệm đăng ký và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 135, tờ bản đồ số 07 sang tên bà L.

- Sau thời hạn thỏa thuận ngày 21/8/2025, nếu bà L chậm thanh toán thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

IV. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Ninh Thị L được miễn án phí.

- Bị đơn ông Phan Gia H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 114.696.000 đồng (một trăm mười bốn triệu sáu trăm chín sáu nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.172.000 đồng (năm mươi chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00009477 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M (nay là Phòng Thi hành án dân sự kv N – Thành phố H); ông Phan Gia H còn phải nộp số tiền 55.524.000 đồng (năm mươi lăm triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà Ninh Thị L được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao tại TP.h;
- VKSND Tối cao tại TP.h;
- VKSND Thành phố H;
- Phòng THADS kv N – TP.h;
- Tòa án nhân dân kv N – TP.h;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Đa